TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2023.
V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Tấn Lập

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát huyện H không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L1 tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn và được tại Uỷ ban nhân dân thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2011. Anh và chị L1 có hai con chung tên Nguyễn Kim Q, sinh ngày 20/10/2011và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 03/6/2013, hiện nay con chung đang do anh nuôi dưỡng.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Mặc dù, hai vợ chồng có nhiều cố gắng để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả gì nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Nay anh thấy không còn tình cảm với chị L1, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị L1.

- Về quan hệ con chung: Anh với chị L1 có hai con chung tên Nguyễn Kim Q, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 03/6/2013, hiện nay con chung đang do anh nuôi dưỡng nên ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chị Nguyễn Thị L1 có ý kiến:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) trực tiếp cho bị đơn chị Nguyễn Thị L1, nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị L1 không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung với bị đơn chị Nguyễn Thị L1.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt tại phiên toà, không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Thị L1 được triệu tập hợp L1 lần thứ hai nhưng chị L1 vắng mặt, không có lý do; riêng nguyên đơn anh Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị L1.

[2]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L thì quan hệ pháp luật được xác định là:*"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị Nguyễn Thị L1 có địa chỉ cư trú tại thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. *Về nội dung vụ án*: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 2011 nên nên căn cứ vào các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của anh Nguyễn Văn L cho rằng, khi chung sống với chị L1 thì giữa anh với chị L1 thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không yêu thương,

không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Cho nên, anh Liệt xác định anh không còn tình cảm với chị L1 nên anh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L1.

Trong khi đó, bị đơn chị Nguyễn Thị L1 mặc dù đã được Tòa án trực tiếp thực hiện thủ tục tố tụng như thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của anh Nguyễn Văn L; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị L1 không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh L. Điều này cho thấy, chị L1 không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn L nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Cho nên, căn cứ vào Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 có hai con chung tên Nguyễn Kim Quyên, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 03/6/2013. Hiện nay, hai con chung do anh Liệt nuôi dưỡng nên ly hôn Liệt yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Kim Q và Nguyễn Khánh D từ nhỏ đã sống chung với nhau và do anh Nguyễn Văn L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Cho nên, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập bình thường của các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết giao anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Kim Q và Nguyễn Khánh D. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu chị Nguyễn Thị L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6]. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, L1 phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, L1 phí Tòa án. **Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị L1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Kim Q, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 03/6/2013 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị Nguyễn Thị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn L về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị L1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản chị L1 thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà anh Nguyễn Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004576 ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt tại phiên toà nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh